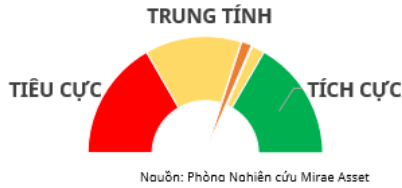


12 Tháng 04, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,069.45	0.0	1.6	-26.5
HNX	211.94	-0.2	2.0	-49.7
UPCOM	79.15	0.4	3.1	-29.7
MSCI EM	996.25	0.8	4.3	-10.3
NIKKEI	28,082.70	0.6	-0.2	6.6
HANG SENG	20,309.86	-0.9	5.1	-4.7
KOSPI	2,550.64	0.1	6.5	-4.4
FTSE	7,832.84	0.6	1.1	3.4
S&P 500	4,108.94	0.0	6.4	-6.6
NASDAQ	12,031.88	-0.4	8.0	-10.0

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.9	1.7	13.7
Indonesia	15.5	1.9	12.2
Philippines	14.4	1.5	10.0
Malaysia	15.1	1.3	10.3
Thái Lan	19.4	1.6	8.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	5.5	0	-50	150
TPCP 5 năm	2.8	-2	-106	47
TPCP 10 năm	3.3	-1	-104	28

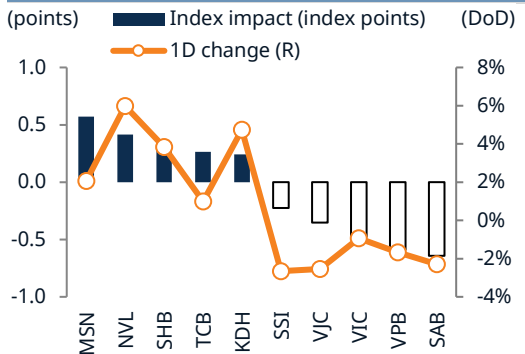
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,449	0.0	-0.7	2.5
US\$/KRW	1,325.7	0.3	1.9	7.9
US\$/JPY	133.9	0.2	0.5	6.8
US\$/EUR	0.92	-0.1	-1.7	-0.9
US\$/GBP	0.81	0.1	-1.9	4.7
US\$/SGD	1.33	0.0	-1.0	-2.3

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	439	409	406
HNX	71	47	43
UPCOM	23	15	16

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

VN-Index giữ thế cân bằng

Sắc đỏ và xanh liên tục đổi chỗ nơi chỉ số VN-Index xuyên suốt cả phiên giao dịch. Thế nhưng, kết phiên chỉ số này vẫn giữ trạng thái cân bằng khi chỉ giảm 0,01 điểm so với phiên trước đó, chôn dưng tại 1,069 điểm. Thanh khoản khớp lệnh cũng tương tự khi không có quá nhiều sự thay đổi với 660 triệu đơn vị, tương ứng với 11,237 tỷ đồng về giá trị.

Nhóm cổ phiếu bất động sản thu hút tốt dòng tiền và sự quan tâm của nhà đầu tư trong phiên khi nhiều mã đã khoác sắc tím từ rất sớm và vẫn giữ được khi kết phiên như: BII, HDC, NLG và TDC. Ngoài ra còn một số mã trong nhóm này cũng có mức tăng ấn tượng trên 4% như HDG, KDH, NVL, PDR.... Ngược với đó, nhóm cổ phiếu chứng khoán tiếp tục bị bán mạnh với 22 mã giảm và 1 mã tăng, trong đó CTS và BSI là 2 cái tên giảm mạnh nhất 4,5% và 3,8%.

Khối ngoại tiếp tục vị thế bán ròng của mình với tổng giá trị hơn 341 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. Trong đó CTG và KBC bị bán mạnh nhất với giá trị lần lượt 99 tỷ và 36,5 tỷ. Ngược lại, HDB và VHM mua ròng 31,9 tỷ và 21,2 tỷ.

Với việc đi ngang và giữ cân bằng khiến cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index vẫn giữ ở mức TRUNG TÍNH với điểm số đánh giá kỹ thuật là +2 điểm. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại ở mức 13,9.

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	6	KHẢ QUAN
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

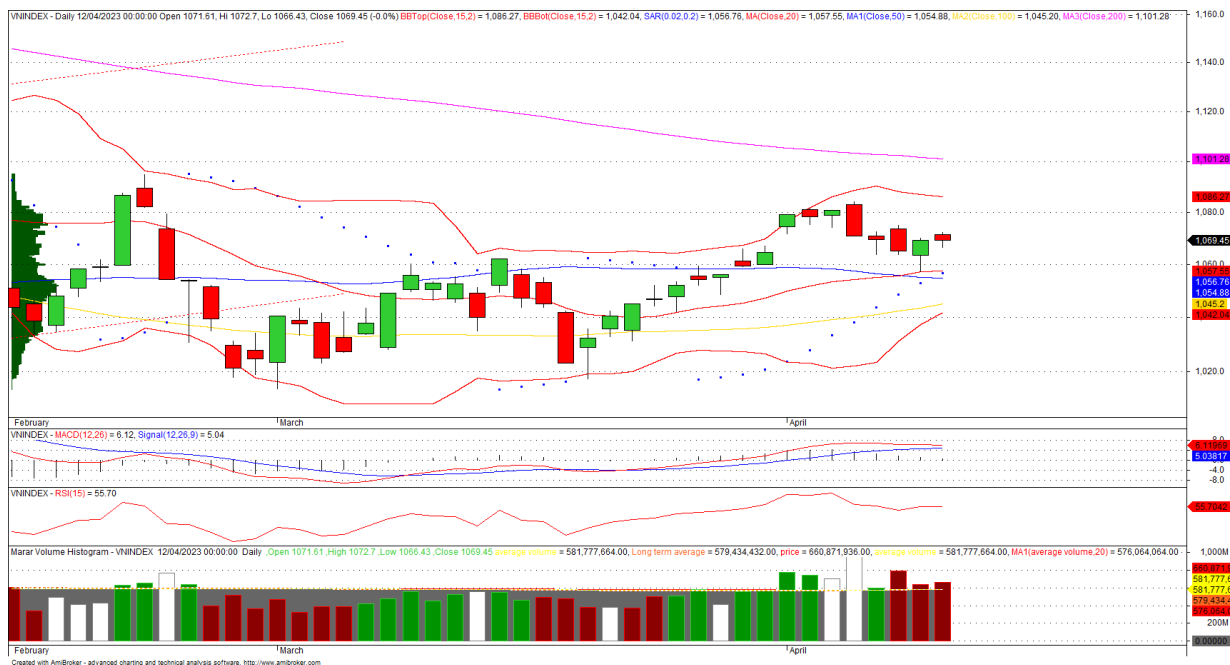
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIỂU CỤC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (12/04/2023)	Kháng cự 1	1.080
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.100
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.050
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.030

VN-Index tiếp tục đi ngang ở phiên thứ 4

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (12/04/2023)	1.075	Kháng cự 1 1.100
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.130
VN30 - đóng cửa	1.080	Hỗ trợ 1 1.050
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-5.69	Hỗ trợ 2 1.030

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	1	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH

VN30F1M tiếp tục đi ngang tích lũy kèm theo đó là thanh khoản có phần giảm mạnh

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
GIL	Dệt may	22,350	483,420	99	5	Top sức mạnh ngành
SHS	Chứng khoán	10,800	21,563,286	98	7	
D2D	Bất động sản	26,100	67,460	97	7	
SHB	Ngân hàng	12,200	28,689,900	94	7	
HDG	Bất động sản	33,400	704,980	93	5	
LHG	Khu công nghiệp	23,950	56,940	91	5	
TCB	Ngân hàng	30,350	4,524,370	88	6	
HAX	Phân phối ô tô	18,500	402,195	87	7	
PET	Bán lẻ	23,900	570,390	86	6	
SZC	Bất động sản	33,350	1,065,185	86	7	
HDC	Bất động sản	34,750	1,068,705	85	7	
HAH	Kho bãi, hậu cần	39,550	1,122,295	84	7	
GVR	Nhựa, cao su & sợi	16,550	2,482,915	73	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
SHB	12.2	28,689,900	7	KHẢ QUAN	37,416	4.8	0.9	350
SHS	10.8	21,563,286	7	KHẢ QUAN	8,538	43.5	0.9	233
CEO	25.6	8,640,815	7	KHẢ QUAN	6,511	23.3	2.0	221
BSR	16.7	6,401,695	7	KHẢ QUAN	51,468	3.5	1.0	107
IDC	39.9	2,606,055	7	KHẢ QUAN	12,969	7.7	2.6	104
PVT	22.05	2,243,265	7	KHẢ QUAN	7,056	8.2	1.2	49
HAH	39.55	1,122,295	7	KHẢ QUAN	2,800	3.9	1.2	44
GVR	16.55	2,482,915	7	KHẢ QUAN	65,400	17.0	1.3	41
HDC	34.75	1,068,705	7	KHẢ QUAN	3,756	9.2	2.0	37
SZC	33.35	1,065,185	7	KHẢ QUAN	3,350	19.1	2.2	36
PVC	16.6	1,676,235	7	KHẢ QUAN	820	93.2	1.1	28
KBC	26.3	5,264,475	6	KHẢ QUAN	20,111	13.1	1.3	138
TCB	30.35	4,524,370	6	KHẢ QUAN	107,979	5.4	1.0	137
VIB	21.35	4,783,135	6	KHẢ QUAN	44,893	5.3	1.4	102
PVD	21.35	3,491,765	6	KHẢ QUAN	11,757	#N/A N/A	0.8	75
HDB	19.65	3,055,495	6	KHẢ QUAN	49,425	6.4	1.3	60
SCR	7.75	6,732,145	6	KHẢ QUAN	3,062	61.0	0.6	52
IJC	14.05	2,901,055	6	KHẢ QUAN	3,626	7.5	1.0	41
SBT	16	2,450,925	6	KHẢ QUAN	10,636	16.4	1.2	39
ANV	32.35	1,156,770	6	KHẢ QUAN	4,287	6.1	1.4	37
IDI	12.15	2,998,890	6	KHẢ QUAN	2,732	5.0	0.9	36
GMD	53	613,735	6	KHẢ QUAN	15,973	17.5	2.3	33

PAN	17.85	1,498,670	6	KHẢ QUAN	3,718	9.9	0.8	27
NVL	14.95	22,453,524	5	KHẢ QUAN	29,349	12.9	0.8	336
GEX	13.6	9,097,660	5	KHẢ QUAN	11,453	31.1	0.9	124
POW	13.7	7,364,930	5	KHẢ QUAN	31,967	15.5	1.0	101
PDR	13.9	6,911,970	5	KHẢ QUAN	9,504	8.3	1.2	96
NLG	32	2,024,465	5	KHẢ QUAN	12,291	25.1	1.4	65
DBC	15.3	3,336,825	5	KHẢ QUAN	3,678	24.5	0.8	51
KDH	29.5	1,407,010	5	KHẢ QUAN	21,397	20.7	1.9	42
VGC	37	769,435	5	KHẢ QUAN	16,365	9.5	2.1	28
HDG	33.4	704,980	5	KHẢ QUAN	8,231	7.5	1.6	24
ASM	8.82	2,605,655	5	KHẢ QUAN	2,965	4.7	0.6	23
STB	26.3	19,604,380	4	KHẢ QUAN	49,204	9.8	1.3	516
PVS	26.4	4,269,450	4	KHẢ QUAN	12,475	14.1	1.0	113
TPB	23.05	4,149,215	4	KHẢ QUAN	36,539	5.8	1.1	96
KDC	61.2	1,552,385	4	KHẢ QUAN	15,768	41.4	2.3	95
MWG	40.9	2,282,790	4	KHẢ QUAN	59,633	14.4	2.5	93
DGC	53.4	1,423,890	4	KHẢ QUAN	20,128	3.8	1.9	76
FRT	65.6	1,038,465	4	KHẢ QUAN	7,701	19.7	3.8	68
HQC	4.46	15,125,725	4	KHẢ QUAN	2,083	110.7	0.5	67
DGW	34.15	1,928,275	4	KHẢ QUAN	5,647	8.0	2.3	66
HAG	7.79	7,755,730	4	KHẢ QUAN	7,141	6.3	1.4	60
MBS	17	3,542,415	4	KHẢ QUAN	8,937	12.1	1.4	60
FPT	80.3	599,590	4	KHẢ QUAN	88,091	16.6	4.2	48
IDJ	12.3	3,459,560	4	KHẢ QUAN	2,221	14.7	1.2	43
PC1	29.25	1,451,355	4	KHẢ QUAN	7,978	17.3	1.6	42
PNJ	78.3	462,075	4	KHẢ QUAN	25,551	13.6	3.0	36
HUT	17	2,019,520	4	KHẢ QUAN	5,822	40.3	1.5	34
BSI	27.15	1,129,510	4	KHẢ QUAN	5,038	30.7	1.2	31
CTD	48	563,710	4	KHẢ QUAN	3,538	170.5	0.4	27
MSN	79.6	1,233,210	3	TRUNG TÍNH	113,186	31.6	4.3	98
EIB	19.75	2,708,680	3	TRUNG TÍNH	28,842	9.8	1.4	53
BCG	8.38	4,666,445	3	TRUNG TÍNH	4,428	10.7	0.7	39
L14	55	443,670	3	TRUNG TÍNH	1,651	86.9	4.1	24
DIG	17.3	17,666,920	2	TRUNG TÍNH	10,489	68.7	1.4	306
MBB	18.7	9,261,025	2	TRUNG TÍNH	84,786	4.8	1.1	173
VIX	8.26	10,685,710	2	TRUNG TÍNH	4,715	11.0	0.6	88
FTS	27.95	2,487,950	2	TRUNG TÍNH	5,354	16.4	1.6	70
PLX	37.05	1,466,665	2	TRUNG TÍNH	47,012	32.0	1.9	54
CTG	29.4	1,838,995	2	TRUNG TÍNH	141,770	8.5	1.3	54
ORS	11.95	2,944,015	2	TRUNG TÍNH	2,440	18.0	1.1	35
APS	12.8	2,372,810	2	TRUNG TÍNH	1,079	#N/A N/A	1.1	30
HPX	4.51	4,916,635	2	TRUNG TÍNH	1,381	12.7	0.4	22
DXG	13.9	17,238,860	1	TRUNG TÍNH	8,327	37.2	0.9	240
SSI	22.4	21,355,240	0	TRUNG TÍNH	32,981	15.1	1.5	478
HPG	20.75	19,909,740	0	TRUNG TÍNH	120,657	14.2	1.3	413
VCG	20.25	9,150,065	0	TRUNG TÍNH	9,766	8.3	1.4	185
HCM	25.7	6,270,350	0	TRUNG TÍNH	11,567	13.6	1.5	161
ACB	24.9	4,322,780	0	TRUNG TÍNH	83,929	6.1	1.4	108

DCM	24.85	3,076,130	0	TRUNG TÍNH	13,076	3.2	1.2	76
DPM	34.85	1,813,685	0	TRUNG TÍNH	13,599	2.4	1.0	63
TCH	7.77	5,842,175	0	TRUNG TÍNH	5,159	28.9	0.6	45
CTS	17.35	2,428,405	0	TRUNG TÍNH	2,528	34.8	1.4	42
TNG	17.7	1,676,280	0	TRUNG TÍNH	1,903	6.4	1.2	30
FCN	11.85	2,342,635	0	TRUNG TÍNH	1,842	46.5	0.7	28
TCM	50.2	468,135	0	TRUNG TÍNH	4,147	17.5	2.1	24
AAA	9.41	2,396,840	0	TRUNG TÍNH	3,582	19.3	0.6	23
VND	15.8	24,247,920	-2	TRUNG TÍNH	18,998	15.6	1.3	383
VCI	32.8	7,317,575	-2	TRUNG TÍNH	14,176	16.2	2.2	240
NKG	14.75	10,288,645	-2	TRUNG TÍNH	3,870	#N/A N/A	0.7	152
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
VCB	88.1	762,795	-3	TRUNG TÍNH	417,881	14.0	3.1	67
VPB	20.9	18,817,220	-4	TIÊU CỰC	138,628	7.6	1.4	393
HSG	15.65	14,533,705	-4	TIÊU CỰC	9,300	#N/A N/A	0.9	227
LPB	14.95	9,272,715	-4	TIÊU CỰC	25,677	5.0	1.1	139
LCG	12.45	9,895,705	-4	TIÊU CỰC	2,342	12.4	0.9	123
VHM	51.8	2,199,505	-4	TIÊU CỰC	224,685	7.8	1.5	114
HHV	13.35	7,211,825	-4	TIÊU CỰC	4,048	13.4	0.6	96
CII	15.2	4,886,295	-4	TIÊU CỰC	3,783	5.0	0.7	74
KSB	26.15	2,801,290	-4	TIÊU CỰC	1,976	15.1	1.0	73
VPI	54.7	604,640	-4	TIÊU CỰC	13,262	24.0	3.8	33
PLC	32.8	709,495	-4	TIÊU CỰC	2,642	22.6	2.2	23
GAS	99.9	231,415	-4	TIÊU CỰC	191,012	13.0	3.2	23
VNM	74.1	1,169,765	-5	TIÊU CỰC	155,284	20.5	5.2	87
VRE	28.8	2,792,430	-5	TIÊU CỰC	65,216	23.5	2.0	80
BID	44.3	795,605	-5	TIÊU CỰC	224,598	12.4	2.3	35
SAB	171	139,235	-5	TIÊU CỰC	109,659	21.5	4.7	24

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Trung Quốc đối mặt với lạm phát thấp nhất trong 1,5 năm

CNBC nhận định, lạm phát thấp nhất kể từ tháng 9/2021 của Trung Quốc nhưng nhu cầu tại đất nước đông dân nhất thế giới vẫn còn yếu. Điều này cho thấy quá trình phục hồi không đồng đều của nền kinh tế thứ 2 thế giới. Theo dữ liệu của Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 của Trung Quốc chỉ tăng 0,7% so với cùng kỳ năm ngoái, giảm từ mức tăng 1% của tháng 2. Con số này cũng thấp hơn dự báo của giới chuyên gia. Trước đó, các chuyên gia kinh tế được Reuters khảo sát cho rằng, CPI tháng 3 của Trung Quốc sẽ duy trì tốc độ tăng 1% của tháng 2. Chuyên gia kinh tế Zhou Hao tại Guotai Junan International nhận định: "Báo cáo lạm phát tháng 3 của Trung Quốc cho thấy nền kinh tế này đang trải qua quá trình thiếu phát, tức sự chậm lại trong quá trình tăng giá cả". Theo đó, Trung Quốc sẽ có nhiều dư địa hơn trong việc nới lỏng chính sách tiền tệ để thúc đẩy nhu cầu. Giá lương thực tại Trung Quốc đã giảm 1,4% trong tháng 3 và giảm mạnh 2,4% so với cùng kỳ năm trước, kéo theo CPI tháng 3 giảm 0,3% so với tháng trước đó. Chính phủ Trung Quốc đặt mục tiêu lạm phát năm 2023 là khoảng 3%. Vào năm 2022, CPI của Trung Quốc tăng 2% so với năm 2021. Trong khi đó, PPI tại nền kinh tế thứ 2 thế giới đã ghi nhận mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 6/2020. Chỉ số giá sản xuất lao dốc 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái, bỏ xa tốc độ sụt giảm 1,4% hồi tháng 2 và sát với dự báo của giới quan sát.

SZC: muốn chào bán 60 triệu cổ phiếu

Sonadezi Châu Đức vừa bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đại hội dự kiến tổ chức ngày 18/4 tại Bà Rịa – Vũng Tàu. Cụ thể, Sonadezi Châu Đức dự kiến phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1, tương ứng dự kiến chào bán 60 triệu cổ phiếu, ủy quyền cho HĐQT quyết định giá chào bán nhưng không thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu và dự kiến triển khai trong năm 2023-2024. Theo dữ liệu của iBoard của Chứng khoán SSI, tính tới cuối năm 2022, giá trị sổ sách cổ phiếu SZC là 15.343 đồng/cổ phiếu. Như vậy, giá chào bán cổ phiếu có khả năng tối thiểu là 15.343 đồng/cổ phiếu, thấp hơn 52,6% so với giá thị trường (ngày 11/4 là 32.400 đồng/cổ phiếu). Số tiền huy động, Công ty dự kiến dùng bổ sung nguồn vốn đầu tư, xây dựng dự án Khu đô thị và sân Golf Châu Đức hoặc dự án Khu công nghiệp Châu Đức, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tái cơ cấu các khoản nợ vay. Được biết, hiện tại Công ty chỉ có 100 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Công ty dự kiến sẽ phát hành 20 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 (tỷ lệ 20%) để nâng số lượng cổ phiếu lưu hành lên 120 triệu cổ phiếu. Sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty sẽ tiến hành chào bán cổ phiếu ra công chúng để nâng lượng cổ phiếu từ 120 triệu cổ phiếu lên 180 triệu cổ phiếu.

Quý I/2023, SHB ước đạt lợi nhuận trước thuế hơn 3.500 tỷ đồng, tổng tài sản khoảng 571,5 nghìn tỷ đồng

Cụ thể, đến cuối quý I, quy mô cấp tín dụng của SHB đã đạt khoảng 423 nghìn tỷ đồng; nguồn vốn huy động trên thị trường 1 (các tổ chức kinh tế và dân cư) đạt khoảng 440 nghìn tỷ đồng. Cũng trong quý I/2023, SHB tiếp tục đẩy mạnh chiến lược bán lẻ và gia tăng các nguồn thu dịch vụ. Chiến lược chuyển đổi số đang phát huy

hiệu quả và giúp tối ưu hóa vận hành. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của SHB trong kỳ đã đạt hơn 3.500 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 10,3% so với quý I/2022. Với kết quả này, SHB đã hoàn thành khoảng 35% chỉ tiêu lợi nhuận năm 2023, theo kế hoạch ĐHCĐ vừa thông qua. Đến cuối quý I/2023, tổng tài sản của SHB đã đạt khoảng 571,5 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 4% so với cuối năm 2022. Với quy mô này, SHB tiếp tục củng cố vị thế Top 5 NHTM cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam xét về quy mô vốn và tổng tài sản. Như vậy, đến thời điểm này SHB là một trong những ngân hàng thương mại đầu tiên có thông tin về kết quả kinh doanh cơ bản trong quý đầu năm 2023, trong hướng tăng cường cập nhật và minh bạch về tình hình hoạt động đến cổ đông và thị trường. Trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu SHB (sàn HOSE) cũng vừa có quãng giao dịch ấn tượng về quy mô thanh khoản và tăng trưởng về giá. Cụ thể, từ cuối tháng 3/2023 đến nay, giao dịch tại cổ phiếu SHB liên tiếp ghi nhận chuỗi phiên bùng nổ về khối lượng, trở thành một trong những mã có thanh khoản tốt nhất trên thị trường; bình quân một tháng trở lại đây đạt trên 26 triệu đơn vị/phiên qua khớp lệnh liên tục và giá có quãng tăng mạnh với gần 20%.

VCA: quý 1/2023, lãi ròng giảm 40% so với cùng kỳ

Quý 1/2023, Thép VICASA ghi nhận doanh thu thuần 506 tỷ đồng, giảm 41% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp tăng nhẹ lên gần 28 tỷ đồng, nhờ biên lãi gộp phục hồi lên 5.5%. Đây cũng là mức biên lãi gộp cao nhất trong 3 năm. Sự hồi phục của biên lợi nhuận gộp diễn ra trong bối cảnh giá thép liên tục tăng trong những tháng đầu năm. Hoạt động buôn bán kém sôi động so với trước đây giúp chi phí bán hàng giảm 34% so với cùng kỳ, xuống mức 4.1 tỷ đồng trong quý 1/2023. Tuy nhiên, chi phí quản lý doanh nghiệp lại tăng 92%, lên gần 15 tỷ đồng. Kết quả, doanh nghiệp báo lãi quý 1 giảm 40% so với cùng kỳ, đạt 5.3 tỷ đồng.

BMI: đặt mục tiêu lãi trước thuế 2023 tăng tối thiểu 9%

BMI xây dựng kế hoạch năm 2023 trên cơ sở bám sát định hướng của Chính phủ về mức tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam, và dự báo của các tổ chức quốc tế với các tiêu chí như sau: Đẩy mạnh khai thác nghiệp vụ truyền thống tại các đơn vị thành viên và giảm thiểu phụ thuộc vào các khách hàng lớn; Tăng trưởng doanh thu phí nhận tái bảo hiểm so với thực hiện năm 2022; Quản lý các khoản chi phí (tiết giảm tỷ lệ bồi thường so với năm 2022, đặc biệt là nghiệp vụ tài sản kỹ thuật, xe cơ giới và chăm sóc sức khỏe; kiểm soát tỷ lệ kết hợp bao gồm tỷ lệ bồi thường và tỷ lệ chi phí ở mức không qua 97% trên tổng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại được hưởng của toàn Công ty); Phấn đấu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng tối thiểu 9% so với năm 2022. Từ định hướng kinh doanh trên, BMI đề ra các chỉ tiêu kinh doanh năm 2023 tăng trưởng dưới 10%. Cụ thể, tổng doanh thu kế hoạch năm 2023 tăng trưởng tối thiểu bằng mức tăng GDP 2023 với số tuyệt đối là 6,750 tỷ đồng (tăng 6.93%). Trong đó, doanh thu bảo hiểm gốc gần 5,770 tỷ đồng, doanh thu nhận tái bảo hiểm hơn 630 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính và kinh doanh bất động sản đầu tư là 350 tỷ đồng.

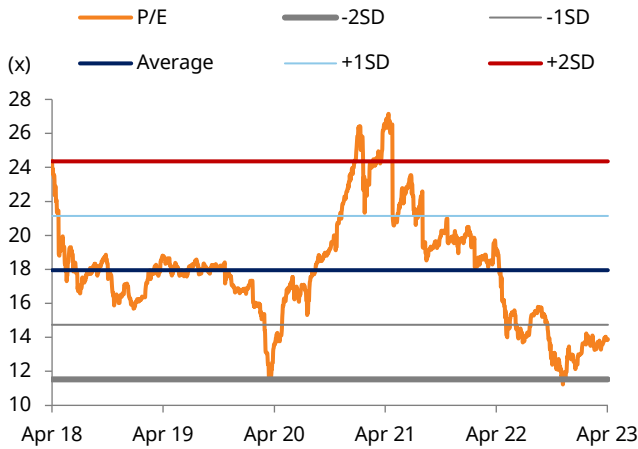
BWE đã sở hữu 24.65% vốn của Vwaco

Ngày 05/04, BWE chính thức trở thành cổ đông lớn của VLW sau khi mua hơn 7.12 triệu cp của doanh nghiệp này, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu từ 0% lên 24.65%. Trong

thời gian từ 05-07/04, một cổ đông lớn của VLW là CTCP Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung, tổ chức có liên quan đến ông Đặng Thanh Bình, Ủy viên HĐQT VLW đã thoái hết toàn bộ cổ phiếu gồm hơn 9.72 triệu cp VLW (tương đương 33.65% vốn điều lệ) theo hình thức thỏa thuận, với mục đích cơ cấu lại các khoản đầu tư. Được biết, ông Bình cũng là Chủ tịch HĐQT tại Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung. Cổ phiếu VLW gần như không có thanh khoản trên thị trường. Tại ngày 05/04, thị trường chỉ ghi nhận một giao dịch thỏa thuận hơn có khối lượng 9.72 triệu cp với tổng giá trị gần 190 tỷ đồng, tương đương khoảng 19,500 đồng/cp. Có thể hiểu, khối lượng cổ phiếu này chính là giao dịch của Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung và BWE. Với mức giá trên, BWE đã bỏ ra hơn 138.8 tỷ đồng để trở thành cổ đông lớn của VLW.

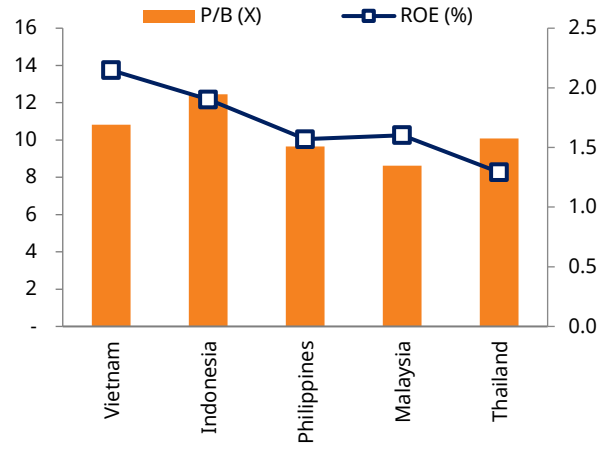
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



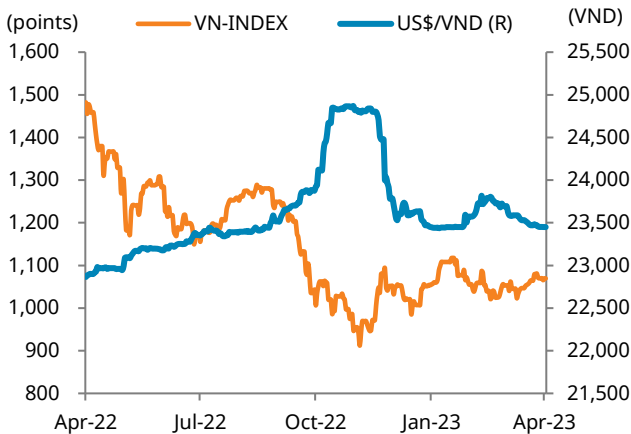
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



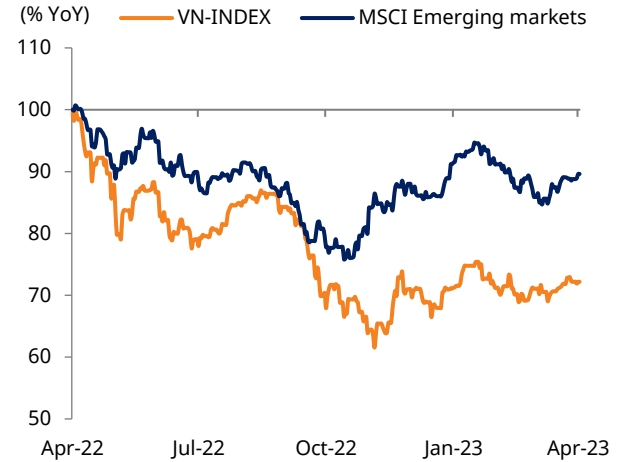
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



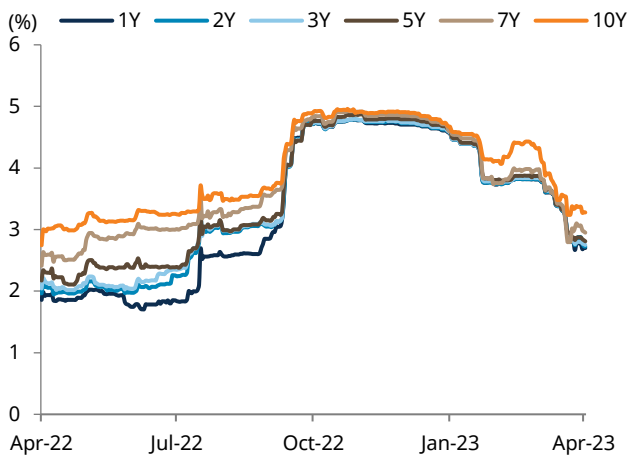
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



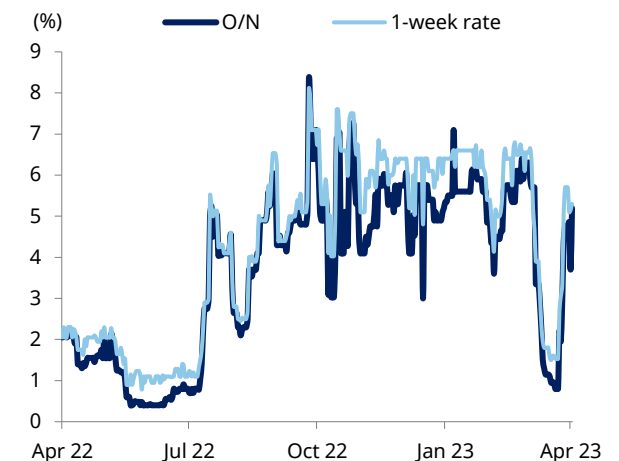
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
VN-Index		4,266,790	1,069.45	1,490.58	873.78	0.0	-1.1	1.6	-26.5	13.9	1.7	13.7		
VN30 Index		3,102,525	1,080.69	1,534.28	863.31	-0.1	-0.8	3.2	-28.3	11.1	1.7	16.5		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	83,929	24,850	27,320	17,450	-0.4	-1.8	-0.2	-7.1	6.1	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	224,598	44,400	48,000	28,000	0.0	-2.4	-5.8	9.8	12.4	2.3	19.9	17.3	12.8
VietinBank	CTG VN	141,770	29,500	32,200	19,500	-0.3	-1.7	1.0	-4.8	8.5	1.3	16.7	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	49,425	19,650	22,640	13,050	0.5	-0.3	6.2	-11.6	6.4	1.3	23.5	19.3	0.9
MBBank	MBB VN	84,786	18,700	27,708	13,200	-0.3	-0.5	5.4	-30.4	4.8	1.1	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	49,204	26,100	31,500	14,050	0.6	-0.6	0.4	-15.3	9.8	1.3	13.8	26.6	3.4
Techcombank	TCB VN	107,979	30,700	48,900	19,300	1.0	4.1	13.1	-36.0	5.4	1.0	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	36,539	23,100	40,450	18,300	0.0	1.8	-3.8	-39.3	5.8	1.1	21.5	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	417,881	88,300	96,300	62,000	0.1	-4.1	-4.1	7.2	14.0	3.1	24.4	23.5	6.5
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	44,893	21,300	33,778	16,200	0.9	-3.0	1.7	-34.9	5.3	1.4	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	138,628	20,650	27,067	13,650	-1.7	-2.6	12.8	-20.6	7.6	1.4	20.7	17.6	0.2
SSI Securities Corp	SSI VN	32,981	22,000	40,791	13,050	-2.7	-2.2	11.1	-44.0	15.1	1.5	9.3	44.3	55.2
Bao Viet Holdings	BVH VN	36,003	48,500	70,000	41,200	-1.3	-1.1	-1.4	-19.2	23.2	1.8	7.5	27.4	21.6
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	82,800	80,000	101,800	58,200	-0.2	-1.5	-4.5	8.1	59.0	4.9	10.2	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	29,349	15,050	87,800	10,050	6.0	17.1	41.3	-82.3	12.9	0.8	6.2	6.2	42.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	9,504	14,150	67,351	9,940	4.8	5.6	20.4	-78.6	8.3	1.2	15.0	2.9	46.1
Vinhomes JSC	VHM VN	224,685	51,600	75,100	39,400	0.2	-1.1	20.4	-29.3	7.8	1.5	21.4	24.3	25.7
Vingroup JSC	VIC VN	202,520	53,100	82,300	49,700	-0.9	-4.3	0.0	-34.7	22.4	1.8	8.4	12.9	35.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	65,216	28,700	32,450	21,400	-1.2	-2.5	2.5	-7.7	23.5	2.0	8.7	32.9	17.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	59,633	40,750	81,400	35,250	0.1	2.5	2.5	-46.6	14.4	2.5	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	113,186	79,500	130,000	69,100	2.1	1.4	-5.2	-36.6	31.6	4.3	12.1	30.3	18.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	109,659	171,000	203,000	149,000	-2.3	-3.1	-7.9	4.7	21.5	4.7	23.6	62.6	37.4
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	155,284	74,300	85,600	64,500	-0.1	-0.3	-3.4	-3.3	20.5	5.2	24.1	55.6	44.4
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	47,012	37,000	56,200	22,950	0.1	-2.8	-3.0	-32.2	32.0	1.9	6.0	17.8	2.6
Vietnam Rubber Group	GVR VN	65,400	16,350	37,200	9,300	0.6	0.9	9.0	-50.5	17.0	1.3	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	120,657	20,750	35,769	11,800	-0.2	-3.5	-2.6	-40.2	14.2	1.3	9.1	23.7	25.3
FPT Corp	FPT VN	88,091	80,300	99,083	61,300	0.0	-0.4	1.0	-12.2	16.6	4.2	27.2	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	53,999	99,700	144,300	94,000	-2.5	-3.1	-0.9	-27.8	N/A	3.6	-14.3	17.5	12.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	191,012	99,800	134,000	92,600	-0.1	-2.1	-6.7	-8.4	13.0	3.2	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	31,967	13,650	16,400	8,910	1.9	1.5	5.4	-12.5	15.5	1.0	7.0	7.8	41.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.